

Trường đại học kinh tế quốc dân

Nguyễn thị Bích Vượng

**Nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt
động cho vay tại Ngân hàng công thương việt nam**

Chuyên ngành: Tài chính – lưu thông tiền tệ và tín dụng

Luận văn thạc sĩ kinh tế

Tóm tắt luận văn thạc sĩ

Hà Nội , 2007

Chương 1. Chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

1.1 Dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM

1.1.1 Hoạt động cho vay của NHTM

1.1.1.1 Các hoạt động cơ bản của NHTM

Ngân hàng thương mại là một tổ chức kinh doanh tiền tệ mà hoạt động chủ yếu và thường xuyên là nhận tiền gửi với trách nhiệm hoàn trả và sử dụng số tiền đó để cho vay, đầu tư và làm các dịch vụ thanh toán.

NHTM có 3 nhóm hoạt động cơ bản sau:

- Hoạt động huy động vốn
- Hoạt động sử dụng vốn
- Hoạt động trung gian

1.1.1.2 Hoạt động cho vay của NHTM

“Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao cho khách hàng sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào một mục đích nào đó trong một thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi”.

1.1.2 Dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM

1.1.2.1 Khái niệm cho vay theo dự án đầu tư của NHTM

Dự án đầu tư của các NHTM là dự án được tài trợ trên cơ sở nghiệp vụ tín dụng của NHTM hay nói cách khác đó chính là khoản tiền mà NHTM cho các doanh nghiệp hay chủ đầu tư vay theo những điều khoản mà hai bên đã thoả thuận nhằm thực hiện một dự án đầu tư nào đó của chủ đầu tư.

1.1.2.2 Đặc điểm của dự án đầu tư cho vay của NHTM

- Dự án đầu tư có mục tiêu cụ thể và phải đáp ứng được một nhu cầu cụ thể đã được đặt ra, tạo nên một thực tế

- Dự án đầu tư tồn tại trong một môi trường không chắc chắn và bị khống chế bởi thời gian
- Dự án đầu tư chịu sự ràng buộc về nguồn lực (vốn, vật tư, lao động)
- Dự án đầu tư có sự tham gia của nhiều bên như: chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan cung cấp dịch vụ trong đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước
- Các dự án đầu tư thường có nhu cầu vốn vay lớn.
- Các dự án đầu tư thường có thời hạn vay kéo dài và ẩn chứa rủi ro cao

1.1.2.3 Quy trình cho vay theo dự án đầu tư của các NHTM

Việc cho vay theo dự án đầu tư của các NHTM diễn hình gồm 3 giai đoạn:

- Thẩm định dự án đầu tư
- Thực hiện cho vay
- Thu nợ

1.2 Thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của các NHTM

1.2.1 Thẩm định dự án đầu tư

1.2.1.1 Khái niệm

Theo quan niệm thông thường, thẩm định dự án đầu tư là việc tổ chức xem xét một cách khách quan, khoa học và toàn diện các nội dung cơ bản ảnh hưởng trực tiếp tới tính khả thi của một dự án, từ đó ra quyết định đầu tư và cho phép đầu tư.

1.2.1.2 Nội dung thẩm định dự án đầu tư

- Thẩm định kỹ thuật
- Thẩm định kinh tế của dự án
- Thẩm định tài chính của dự án

1.2.2 Khái niệm và mục đích của thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM

© Thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của NHTM là việc tổ chức một cách khoa học, hợp lý và tiến hành xem xét khách quan, toàn diện mọi khía cạnh về tài chính liên quan đến tính khả thi của dự án từ đó đưa ra quyết định cho vay hay không cho vay đối với chủ đầu tư dự án đó.

© Mục đích của thẩm định tài chính dự án đầu tư :

- Đánh giá khách quan tính khả thi về mặt tài chính của dự án, từ đó lựa chọn và không bỏ sót dự án tốt đồng thời loại bỏ những dự án có rủi ro cao
- Đánh giá khả năng, mức độ rủi ro của dự án đầu tư
- Trên cơ sở kết quả thẩm định và đánh giá mức độ rủi ro của dự án đầu tư, đưa ra các quyết định về số tiền cho vay, thời gian, lãi suất cho vay, kế hoạch thu nợ và biện pháp bảo đảm tiền vay....
- Rút ra kinh nghiệm và bài học để thực hiện các dự án đầu tư sau được tốt hơn.

1.2.3 Nội dung của thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của NHTM

1.2.3.1 Thẩm định tổng mức vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư cũng như tiến độ sử dụng vốn.

- Kiểm tra việc xác định tổng mức vốn đầu tư của dự án
- Kiểm tra cơ cấu nguồn vốn đầu tư và tiến độ sử dụng vốn

1.2.3.2 Thẩm định dòng tiền của dự án.

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lý của các số liệu doanh thu và chi phí của dự án
- Tính toán lại dòng tiền ròng của dự án theo quan điểm của Ngân hàng
- Thiết lập các bảng dự trù tài chính

1.2.3.3 Thẩm định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của dự án

- Chỉ tiêu tỷ lệ chiết khấu (DR)
- Chỉ tiêu giá trị hiện tại ròng (NPV)
- Chỉ tiêu tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)
- Chỉ tiêu tỷ suất hoàn vốn nội bộ có điều chỉnh (MIRR)
- Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn (PP)
- Chỉ số doanh lợi (PI)

1.2.3.4 Thẩm định mức độ rủi ro của dự án:

Phân tích rủi ro dự án có nhiều phương pháp phức tạp và ý nghĩa thực tế khác nhau:

- + Phân tích độ nhạy
- + Phân tích kịch bản (tình huống)

+ Phân tích Monter Carlo

1.3 Chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của các NHTM

1.3.1 Khái niệm và các tiêu chí phản ánh chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của các NHTM

1.3.1.1 Khái niệm

Chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư là biểu hiện mức độ chính xác, khách quan, hợp lý và linh hoạt trong việc đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư .

1.3.1.2 Các tiêu chí phản ánh chất lượng thẩm định tài chính dự án ĐT

- Việc thẩm định phải theo đúng quy trình khoa học và toàn
- Sử dụng tốt nguồn thông tin đa dạng làm căn cứ để ra phân tích, đánh giá và đưa ra quyết định đúng đắn, khách quan.
- Chi phí cho việc thẩm định tài chính dự án phải hợp lý
- Khả năng phát hiện và dự báo các xu hướng, các rủi ro liên quan đến quá trình đầu tư để có biện pháp đề phòng, hạn chế rủi ro
- áp dụng các chỉ tiêu, phương pháp thẩm định phù hợp với từng dự án
- Thoả mãn các yêu cầu của chủ đầu tư

1.3.2 Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM

1.3.2.1 Các nhân tố về phía doanh nghiệp

- Những khó khăn về tài chính của doanh nghiệp
- Trình độ tổ chức quản lý
- Chủ đầu tư (doanh nghiệp)
- Tính chất của dự án đầu tư

1.3.2.2 Các nhân tố về Ngân hàng

- Cán bộ thẩm định
- Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ thẩm định

1.3.2.3 Các nhân tố khác

- Yếu tố thị trường
- Tỷ lệ chiết khấu
- Thông tin liên quan đến dự án

- Các chính sách , quy định của Nhà nước
- Biến động về chính trị, kinh tế , xã hội.....

Chương 2. Thực trạng Chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng công thương việt nam

2.1 Khái quát chung về Ngân hàng Công thương Việt Nam

2.1.1 Lịch sử hình thành và cơ cấu tổ chức của NHCTVN

Ngân hàng Công thương Việt Nam (NHCTVN) ra đời tháng 07/1988 theo Nghị định 53/HĐBT ngày 26/03/1988 của Chủ tịch hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) trên cơ sở Vụ tín dụng Công nghiệp và Vụ tín dụng Thương nghiệp tại Ngân hàng Nhà nước và các phòng tín dụng Công thương nghiệp tại chi nhánh Ngân hàng thành phố, tỉnh, quận, huyện. Sau đó, NHCTVN được thành lập theo các quyết định số 402/QĐ ngày 14/11/1990 của Chủ tịch HĐBT và số 67/QĐ - NH5 ngày 27/03/1993 và số 285/QĐ- NH5 ngày 21/09/1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tổ chức bộ máy của NHCTVN là một thể thống nhất gồm Hội sở chính tại Hà Nội và các chi nhánh tại các thành phố, tỉnh trong cả nước thực hiện sự chỉ đạo điều hành tập trung của Hội sở chính, đồng thời phát huy tính tự chủ của mỗi chi nhánh trong khuôn khổ kế hoạch và các cơ chế, quy chế được phân cấp, phân quyền cụ thể.

2.1.2 Tình hình cho vay theo dự án tại NHCTVN

Tình hình đầu tư các dự án trung dài hạn của NHCTVN trong những năm qua như sau: Tổng số vốn đầu tư của 2022 dự án là 201.987 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu tham gia chiếm khoảng 35%, vốn vay trong nước chiếm khoảng 48%, vốn vay NHCT chiếm 24% trong đó 1/2 là số tiền vay các NHTM trong nước. Qua xem xét báo cáo từ các chi nhánh cho thấy hiện nay có rất nhiều dự án có vốn tự có thấp, thấp chí có những dự án không có vốn chủ sở hữu tham gia; nhiều chi nhánh tự quyết định cho vay theo dự án thuộc các ngành rủi ro cao như xây dựng, giao thông, sản xuất vật liệu xây dựng. Ví

dụ như: nhà máy gạch Long Hậu, nhà máy xi măng Hương Sơn, nhà máy gạch Granit tiên sơn, nhà máy sứ ốp lát Thanh Hà, nhà máy bia Habada.....

2.2 Thực trạng chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay tại NHCTVN

2.2.1 Quy trình thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam

Bước 1: Hướng dẫn, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ xin vay vốn của khách hàng,

Bước 2: Thẩm định khách hàng vay vốn

Bước 3: Thẩm định dự án đầu tư trên các phương diện kinh tế, kỹ thuật, thị trường, cơ sở pháp lý...

Bước 4: Thẩm định tài chính dự án đầu tư

Bước 5: Thẩm định phương án cho vay và thu nợ, biện pháp bảo đảm tiền vay và thẩm định rủi ro tín dụng.

Bước 6: Trình duyệt tờ trình thẩm định cho vay

Bước 7: Quyết định phê duyệt khoản vay

Bước 8: Soạn thảo, ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay và làm thủ tục giao nhận giấy tờ và tài sản bảo đảm.

2.2.2 Quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam

Bước 1: Xác định mô hình dự án đầu tư

Bước 2: Phân tích và ước định các số liệu, cơ sở tính toán để thẩm định tính khả thi của tổng vốn đầu tư

Bước 3: Thiết lập các bảng tính thu nhập và chi phí để thẩm định dòng tiền DA

Bước 4: Tính toán và phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính DA

Bước 5: Thẩm định rủi ro của dự án đầu tư

Bước 6: Thiết lập các báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2.3 Phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam

Các phương pháp thẩm định dự án mà NHCTVN sử dụng là:

- Phương pháp phân tích tĩnh: sử dụng các chỉ tiêu NPV, IRR và PP
- Phương pháp phân tích động: sử dụng phương pháp phân tích độ nhạy một chiều đối với từng biến động của từng yếu tố đầu vào

2.2.4 Nội dung thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam

2.2.4.1 Thẩm định tổng mức vốn đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư của dự án

- Thẩm định tổng mức vốn đầu tư
- Thẩm định cơ cấu nguồn vốn đầu tư

2.2.4.2 Thẩm định dòng tiền của dự án

Nội dung của công tác thẩm định dòng tiền của dự án tại NHCTVN bao gồm:

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lý của các số liệu doanh thu và chi phí của dự án
- Tính toán lại dòng tiền ròng của dự án theo quan điểm của Ngân hàng

2.2.4.3 Phân tích và tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả về mặt tài chính của dự án

2.2.4.4 Thẩm định rủi ro của dự án

Tại NHCTVN, thẩm định rủi ro của dự án đầu tư bao gồm: phân tích điểm hoà vốn (BEP – Break Even Point) và phân tích độ nhạy. Các phương án thường được NHCTVN sử dụng để khảo sát độ nhạy thông thường là: vốn đầu tư tăng theo tỷ lệ % nhất định (có thể 5%, 10%....); chi phí biến đổi tăng theo tỷ lệ % nhất định (có thể 5%,10%); giá bán giảm theo tỷ lệ % nhất định (có thể 5%,10%). Ngoài ra còn có thể khảo sát các phương án khác tùy theo đặc trưng của từng dự án đầu tư.

2.2.5 Minh họa thực trạng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam thông qua dự án: “Mua 20 đầu máy đổi mới D19E do Trung Quốc chế tạo” của Tổng công ty đường sắt Việt Nam

& Khái quát về dự án

Chủ đầu tư : *Tổng công ty đường sắt Việt Nam*

Địa chỉ : 118 - đường Lê Duẩn – TP Hà Nội

Tel : 04.825 8118 – 826 8281

Tên dự án : **Mua 20 đầu máy đổi mới D19E do Trung Quốc chế tạo**

Phương thức cho vay : **cho vay theo dự án đầu tư**

Tổng vốn đầu tư được duyệt: **255 tỷ đồng**. Trong đó:

- Vốn tự có : **28,2 tỷ đồng (Chi phí khác: 11,2 tỷ đồng**

Dự phòng : 17 tỷ đồng)

- Vốn vay NHCT : **226,8 tỷ đồng (Chi phí mua 20 đầu máy)**

A/ thẩm định về chủ đầu tư

1. Tư cách pháp lý

Tổng công ty đường sắt Việt Nam là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo quyết định số 34/2003/QĐTT ngày 04/03/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng công ty hoạt động kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước giao.

2. Lịch sử hình thành và phát triển

Tổng công ty đường sắt Việt Nam (trước đây là Liên hiệp đường sắt Việt Nam) được thành lập ngày 04/03/2003 theo quyết định số 34/2003/QĐTT của Thủ tướng Chính phủ với nhiệm vụ kinh doanh: vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế, đại lý và dịch vụ vận tải, quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, tư vấn, khảo sát, thiết kế đóng mới và sửa chữa các thiết bị phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.....

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính

- Xét về khả năng thanh toán bao gồm cả khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh và dài hạn của tổng công ty tương đối tốt
- Xét về hệ số nợ: cơ cấu giữa nợ với tài sản và vốn chủ sở hữu của tổng công ty khá hợp lý chứng tỏ tổng công ty có sự tự chủ về tài chính.
- Xét về năng lực hoạt động: tình hình hoạt động của tổng công ty tốt
- Xét về tỷ suất lợi nhuận: tình hình sản xuất kinh doanh của tổng công ty là tương đối tốt

B/ thăm định về dự án đầu tư

1. Cơ sở pháp lý của dự án

- Quyết định số 1011/ĐS-KHĐT ngày 25/11/2003 của Hội đồng quản trị Tổng công ty đường sắt Việt Nam v/v cho phép chuẩn bị đầu tư dự án “Mua 20 đầu máy đôi mới D19E do Trung Quốc chế tạo”.
- Công văn số 1204/ĐS-KHĐT ngày 25/11/2003 của Tổng giám đốc Tổng công ty đường sắt Việt Nam v/v “Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án mua 20 đầu máy D19E do Trung Quốc chế tạo”.

2. Sự cần thiết của dự án

Tính đến thời điểm tháng 11/2003, đường sắt Việt Nam hiện đang sử dụng 368 đầu máy các loại bao gồm đầu máy diesel truyền động thuỷ lực (TĐTL) và truyền động điện (TĐĐ) khổ đường 1000 mm và 1435 mm với tổng công suất khoảng 283.750 mã lực (**Phu lục 01**), trong số đó có hơn 220 đầu máy có công suất nhỏ, dưới 900 mã lực như các loại D4H, D5H, D9E, D13E với thời hạn sử dụng trên 30 năm. Các loại đầu máy này hầu như đã khấu hao hết, do thiếu sức kéo nên vẫn phải sử dụng, nhưng phải thường xuyên sửa chữa rất tốn kém, tiêu hao nhiên liệu lại lớn, khoảng 50 – 70Kg/10.000T.kmTT. Trước thực trạng đầu máy vừa thiếu, vừa kém về kỹ thuật, trong những năm gần đây ngành đường sắt Việt Nam đã đầu tư mua mới một số đầu máy với công suất lớn. Song so với nhiệm vụ vận tải và bù đắp số đầu máy D4H lạc hậu, khai thác không hiệu quả (phải thanh lý dần) thì số lượng đầu máy hiện có là không đủ đáp ứng nhu cầu trong những năm tới. Hơn nữa, trong những năm gần đây, nhu cầu sử dụng phương tiện giao thông bằng đường sắt ngày càng cao, đồng thời nhu cầu vận chuyển và chuyên chở hàng hoá bằng phương tiện đường sắt cũng tăng theo đáng kể. Dự báo trong những năm tiếp theo (từ 2003 - 2020), khối lượng vận chuyển trên các tuyến sẽ còn cao hơn nữa (**Phu lục 02,03,04 và 05**). Trong khi đó hiện trạng sức kéo của ngành đường sắt Việt Nam lại quá cũ kỹ và lạc hậu, đòi hỏi phải có thêm toa xe và đầu máy để sử dụng. Số lượng toa xe khách và hàng chế tạo trong nước đã đáp ứng được nhu

cầu, riêng đầu máy vẫn phải nhập ngoại (vì hiện tại trong nước chưa chế tạo hoàn chỉnh được), nên trong thời gian tới, việc đầu tư mua đầu máy mới là cần thiết và tất yếu.

3. Thâm định phương diện thị trường

W Giá trên 1 đơn vị công suất loại này thấp nhất so với các đầu máy đã mua (360USD/HP), chỉ bằng 1/2 đến 1/3 so với các đầu máy mua của Đức, Bỉ, Tiệp và Ấn Độ.

W Đầu máy do Trung Quốc chế tạo phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới của Việt Nam, tiện nghi cho lái máy tốt, góp phần đảm bảo an toàn chạy tàu, thu hút khách đi tàu.

W Đầu máy trực tiếp do nhà máy Đầu máy Tư Dương - Trung Quốc chế tạo, là nhà máy có kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật, năng lực tài chính.

4. Thâm định phương diện kỹ thuật

Trong năm 2002 và 2003, tổng công ty đã nhập về 20 đầu máy đổi mới D19E và giao cho xí nghiệp đầu máy Hà Nội và xí nghiệp đầu máy Sài Gòn quản lý và vận dụng, mỗi xí nghiệp quản lý 10 đầu máy. 20 đầu máy này chủ yếu sử dụng để kéo tàu khách Bắc – Nam đẳng cấp cao và tàu hàng Bắc – Nam. Sở dĩ Tổng công ty chọn công nghệ đầu máy của Trung Quốc mà cụ thể là chọn loại đầu máy diesel truyền động điện vì nó có những ưu điểm nổi bật về kỹ thuật so với các đầu máy cùng loại của các nước khác như Bỉ, Tiệp, Ấn Độ... **(Phụ lục 06)**

W Đầu máy được lắp động cơ Caterpillar của Mỹ, truyền động điện AC – DC, điều khiển tiên tiến. Do vậy, mua đầu máy D19E sẽ không bị lạc hậu, đạt trình độ trung bình tiên tiến.

W Đầu máy D19E đặt mua giống với các loại đầu máy đổi mới đang vận dụng ở Việt Nam nên các cán bộ, công nhân sửa chữa, lái máy đã quen, tạo điều kiện tốt cho việc sử dụng

5. Thâm định phương án địa điểm

6. Thâm định phương án tổ chức quản lý khai thác và sử dụng lao động

6.1 Về quản lý khai thác

Các đầu máy D19E Trung Quốc chủ yếu kéo các máy tàu Thống Nhất và đặc biệt tàu hành trình 28 giờ trên tuyến Bắc – Nam, sẽ thay thế toàn bộ cho 22 đầu máy Tiệp D12E và một số đầu máy D9E, D11H. Số đầu máy D12E, D9E và D11H sẽ chuyển sang kéo các tàu khách và hàng khác khi đó các đầu máy D9E, D11H và D12 E sẽ thay thế các đầu máy D4H, D5H lạc hậu phải thanh lý dần.

6.2 Về đào tạo sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa đầu máy

Tổng công ty đã có kế hoạch đào tạo để có đủ tài xế lái máy và thợ sửa chữa, bảo dưỡng theo yêu cầu, chương trình đào tạo tại xí nghiệp đường sắt Hà Nội do chuyên gia Việt Nam và Trung Quốc giảng dạy. Ngoài ra còn có đào tạo một số công nhân sửa chữa một số bộ phận chi tiết trên đầu máy mà trong nước chưa có khả năng thực hiện với kinh phí chuyên gia Trung Quốc và đào tạo tại Trung Quốc do nhà cung cấp đầu máy chịu trách nhiệm.

7. Thâm định phương diện Kinh tế – Tài chính

7.1 Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư : 255 tỷ đồng. Trong đó:

- Vay Ngân hàng : 226,8 tỷ đồng (tương đương 14,4 triệu USD) của NHCTVN để mua 20 đầu máy D19E và phụ tùng do Trung Quốc chế tạo
- Vốn tự có: 28,2 tỷ đồng

7.2 Hiệu quả kinh tế – tài chính của dự án

7.2.1 Những chỉ tiêu chính khi vận dụng đầu máy Trung Quốc

- Đầu máy Trung Quốc trong dự án này được giao cho xí nghiệp đầu máy Hà Nội 10 chiếc và xí nghiệp đầu máy Sài Gòn 10 chiếc
- 20 đầu máy này dùng để kéo tàu khách trên tuyến Bắc – Nam, các tàu Thống Nhất hành trình 30 – 32 giờ và đặc biệt là 28 giờ.
- Tỷ lệ vận dụng đầu máy lâu dài 75% = 15 máy/20 đầu máy nhập của dự án
- Trọng lượng bình quân đoàn tàu khách Thống Nhất của các tàu S1/2, S3/4 và E1/2 Là 500 tấn. Cự ly quay máy 1726 Km

- Thời gian khấu hao đầu máy trong dự án là 10 năm, tổng mức đầu tư là 238 tỷ đồng (không tính dự phòng). Khấu hao cơ bản 1 máy nhập/ 1 năm là 1,19 tỷ đồng

7.2.2 Các chỉ tiêu so sánh:

Ỗ Chỉ tiêu 1: Giá/công suất (USD/1HP)

Ỗ Chỉ tiêu 2: Chi phí nhiên liệu/10.000 tấn.Km. Tổng trọng

Ỗ Chỉ tiêu 3: Các chỉ tiêu kinh tế khác của dự án

7.2.3 Doanh thu và chi phí của dự án

- Doanh thu: tổng các khoản thu tạo thành dòng tiền vào

Qua số liệu thống kê, sau 2 tháng đưa đoàn tàu tốc hành E1/2 vào vận dụng khai thác trên tuyến Hà Nội – Sài Gòn, kết quả kinh doanh vận tải đạt được là bình quân 1 đoàn tàu mang lại doanh thu 11,65 tỷ đồng /tháng

Như vậy, doanh thu 1 đầu máy đôi mới kéo tàu E1/2 dự kiến trong 1 năm là:

$11,65 \text{ tỷ đồng /tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 47,5\% / 4 = 16,596 \text{ tỷ đồng /năm}$

Doanh thu sau thuế của 1 đầu máy/ năm = $16,596 \times 95\% = 15,771 \text{ tỷ đồng}$

- Chi phí : bao gồm các khoản chi phí tiền lương, tiền BHXH, vật liệu, nhiên liệu, sửa chữa toa xe khách, xe động lực, lệ phí CSHT... và tổng các khoản chi này tạo thành dòng tiền ra.

Chi phí cho 1 đầu máy để đạt được doanh thu trên là:

TT	Khoản mục chi phí	Số tiền
1	Tiền lương	3,817 tỷ đồng
2	Bảo hiểm và công đoàn	0,315 tỷ đồng
3	Vật liệu	1,893 tỷ đồng
4	Nhiên liệu	2,129 tỷ đồng
5	Dịch vụ mua ngoài	2,050 tỷ đồng
6	Chi khác	3,391 tỷ đồng
7	Khấu hao (23,8 /20 đầu máy)	1,19 tỷ đồng
	Tổng chi	14,785 tỷ đồng

Lợi nhuận thu được của dự án khi vận dụng đạt tỷ lệ 70% (trong số 20 đầu máy)

Lợi nhuận = Doanh thu – Chi phí = $(15,771 \text{ tỷ đồng / năm} - 14,785 \text{ tỷ đồng / năm}) \times 20 \text{ đầu máy} \times 70\% = 13,81 \text{ tỷ đồng / năm}$

Thu nhập ròng = Lợi nhuận + Khấu hao = $13,81 + 23,8 = 37,61 \text{ tỷ đồng/ năm}$

- Khấu hao của 20 đầu máy D19E trong một năm là:
238 tỷ đồng/10 năm = 23,8 tỷ đồng /năm. Trong đó:
 - Thời gian tính khấu hao là 10 năm
 - Tổng vốn đầu tư = 255 tỷ đồng – 17 tỷ đồng (dự phòng) = 238 tỷ đồng

7.2.4 Các chỉ tiêu hiệu quả tài chính (Phu lục 07)

- Giá trị hiện tại ròng NPV = 76,206 tỷ đồng
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ IRR = 13,004%
- Thời gian hoàn vốn PP = 9,412 năm

C/ thẩm định biện pháp bảo đảm tiền vay

1. Phương án cho vay

- Số tiền cho vay: **226,8 tỷ VNĐ tương đương 14.400.000 USD** sẽ được giải ngân theo tiến độ của hợp đồng mua bán số 03/ĐSVN – ZYDLW/2004 giữa Tổng công ty đường sắt Việt Nam, nhà máy đầu máy Tur Dương của Trung Quốc và Công ty xuất nhập khẩu cung ứng vật tư thiết bị đường sắt.
- Lãi suất cho vay: lãi suất năm 2004 là **8,4%/năm**. Lãi suất các năm sau được điều chỉnh theo lãi suất cho vay trung dài hạn của NHCTVN quy định trong từng thời kỳ và sự thoả thuận giữa Tổng công ty đường sắt Việt Nam và NHCTVN.
- Thời gian cho vay: **10 năm**. Trong đó:
 - + Thời gian ân hạn: 6 tháng
 - + Thời gian thu nợ: 9,5 năm chia thành 19 kỳ (6 tháng/ kỳ)
 - Kỳ 1: 11.952.000.000 đồng
 - Kỳ 2 đến kỳ 19 : 11.936.000.000 đồng

2. Phương án hoàn trả vốn vay

2.1 Khả năng hoàn trả vốn vay (Phu lục 08 và 09)

Với cơ chế tài chính vốn vay NHCTVN là 226,8 tỷ đồng, thời hạn vay là 10 năm, lãi suất là 8,4%/năm, trả lãi và gốc 6 tháng 1 lần.

- Như vậy từ năm 2004 đường sắt Việt Nam trích từ nguồn khấu hao TSCĐ hàng năm của 20 đầu máy D19E và khối vận tải để trả nợ gốc cho dự án

(mỗi năm phải trả gốc là 22,68 tỷ đồng và đến đầu năm 2015 thì đường sắt Việt Nam hoàn tất việc trả nợ cho dự án).

- Tổng lãi vay 10 năm của dự án là: 100,154 tỷ đồng, trung bình phải là 10 tỷ đồng /năm.

2.2 Cân đối thu chi và trả nợ (Phụ lục 10)

- Hiện tại đường sắt Việt nam đang thực hiện 14 dự án cũ với số tiền gốc và lãi trả hàng năm được thống kê trong các bảng phụ lục 09.
- Cuối năm 2003 chuẩn bị đầu tư dự án mới là đóng mới toa xe hàng năm 2003 và dự án mua 20 đầu máy đổi mới loại D19E do Trung Quốc chế tạo.
- Khi đầu tư các dự án, tổng công ty đường sắt Việt Nam có thêm phương tiện đầu máy – toa xe, doanh thu vận tải hàng năm sẽ tăng, nguồn vốn khấu hao TSCĐ khối vận tải cũng tăng theo, nguồn vốn trả nợ gốc được đảm bảo.
- Tổng công ty đường sắt Việt Nam vay tín chấp NHCTVN theo công văn số 2392/CV – NHCTVN do tổng giám đốc Ngân hàng công thương Việt Nam ký ngày 04/10/2000.

& Kết luận và đề nghị

Tổng công ty đường sắt Việt Nam là một doanh nghiệp có đủ điều kiện vay vốn tại NHCTVN:

- Hồ sơ pháp lý của dự án đầy đủ
- Tình hình tài chính của tổng công ty lành mạnh
- Dự án mua 20 đầu máy đổi mới D19E do Trung Quốc chế tạo là dự án có hiệu quả.
- Dự án đáp ứng đầy đủ các điều kiện tín dụng của NHCTVN

Trên cơ sở kết quả thẩm định, phòng kinh doanh dịch vụ của NHCTVN nhận thấy tổng công ty đường sắt Việt Nam đủ điều kiện vay vốn. Phòng đề nghị phương án cho vay, thu nợ như sau:

- Số tiền cho vay: 226,8 tỷ VND tương đương 14.400.000 USD sẽ được giải ngân theo tiến độ của hợp đồng mua bán số 03/ĐSVN – ZYDLW/2004.

- Phương thức cho vay: Vay 226,8 tỷ VND mua ngoại tệ tương đương 14.400.000 USD để nhập 20 đầu máy đổi mới D19E do Trung Quốc chế tạo thông qua đơn vị nhận uỷ thác là Công ty XNK cung ứng vật tư thiết bị đường sắt .
- Lãi suất cho vay: Lãi suất năm 2004 là 8,4%/năm. Lãi suất các năm sau được điều chỉnh theo lãi suất cho vay trung dài hạn của NHCTVN quy định trong từng thời kỳ.
- Thời hạn cho vay: 10 năm. Gốc và lãi trả 6 tháng/lần. Trong đó:
 - + Thời hạn ân hạn: 6 tháng
 - + Thời gian thu nợ: 9,5 năm chia thành 19 kỳ (6 tháng /kỳ)
 - Kỳ 1: 11.952.000.000 đồng
 - Kỳ 2 đến kỳ 19: 11.936.000.000 đồng

2.3 Đánh giá chất lượng thẩm định tài chính dự án nói chung và dự án “mua 20 đầu máy D19E do trung quốc chế tạo” nói riêng trong hoạt động cho vay của NHCTVN

2.3.1 Những kết quả đạt được

2.3.1.1 Công tác tổ chức thẩm định được thực hiện tương đối hợp lý

Đối với các dự án thuộc mức uỷ quyền phán quyết của chi nhánh, chi nhánh được quyền chủ động thẩm định và ra quyết định cho vay. Đối với các dự án vượt mức uỷ quyền phán quyết của chi nhánh hoặc không đảm bảo các điều kiện cho vay thông thường, chi nhánh tiến hành thực hiện thẩm định và trình NHCTVN tái thẩm định .

2.3.1.2 Thông tin sử dụng để thẩm định được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau có cơ sở khoa học đảm bảo độ chính xác, tin cậy

Các nguồn thông tin được sử dụng trong thẩm định dự án từ chính doanh nghiệp cung cấp, từ những báo cáo phân tích ngành kinh tế, phân tích các khách hàng do chính các phòng ban tại Trụ sở chính thực hiện, từ kinh nghiệm của các cán bộ, từ các dự án tương tự, từ các báo cáo nghiên cứu khả thi hay từ các phương tiện thông tin đại chúng

2.3.1.3 Nội dung thẩm định được thực hiện theo trình tự logic, khoa học và linh hoạt theo tính chất và mức độ phức tạp của từng dự án

Các dự án khi tiến hành thẩm định đều được thực hiện theo đúng trình tự nhất định đúng với quy định của NHCTVN từ khâu tiếp nhận hồ sơ khách hàng, xét duyệt hồ sơ đến các khâu cơ bản trong công tác thẩm định dự án đầu tư như thẩm định các phương diện thị trường, kỹ thuật, tài chính của dự án và cuối cùng là duyệt mức vốn cho vay....

2.3.1.4 Kết quả thẩm định đã đánh giá được những chỉ tiêu cơ bản về hiệu quả tài chính của dự án

Hầu hết các dự án được thẩm định tại các chi nhánh hay tại trụ sở chính của NHCTVN đều phản ánh được các chỉ tiêu cơ bản của dự án như NPV, IRR, PP.... qua đó đã phần nào khái quát được hiệu quả của các dự án đầu tư.

2.3.2 Những hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1 Hạn chế

- Chất lượng thẩm định chưa đồng đều trong toàn hệ thống
- Phương pháp thẩm định chưa phong phú và chưa được áp dụng một cách thống nhất trong toàn hệ thống NHCTVN
- Nội dung thẩm định chưa đầy đủ và thiếu sự thống nhất trong toàn hệ thống NHCTVN

Bảng 2.9:

Đối chiếu kết quả tái thẩm định của tác giả với kết quả thẩm định của Ngân hàng Công thương Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Kết quả thẩm định của NHCTVN	Kết quả tái thẩm định của tác giả
1	Tổng mức vốn đầu tư	Vốn CSH (không tính vốn dự phòng) + Vốn vay Ngân hàng = 255 tỷ – 17 tỷ = <u>238 tỷ đồng</u>	Vốn CSH (bao gồm cả vốn dự phòng) + vốn vay Ngân hàng = <u>255 tỷ đồng</u>

2	Doanh thu của 1 đầu máy trong 1 năm	11,65 tỷ/tháng x12 tháng x 47,5%/4= <u>16,596 tỷ đồng/năm</u>	11,65 tỷ/tháng x 12 tháng x 47,5%/4 = <u>16,60 tỷ đồng /năm</u>
3	Doanh thu của 20 đầu máy trong 1 năm	16,596 tỷ đồng /năm x 20 đầu máy = <u>331,92 tỷ đồng/năm</u>	16,60 tỷ đồng /năm x 20 đầu máy = <u>332 tỷ đồng/năm</u>
4	Chi phí của 1 đầu máy trong 1 năm	Lương + Bảo hiểm + Công đoàn + Vật liệu + nhiên liệu + dịch vụ mua ngoài + Chi khác + Khấu hao = <u>14,785 tỷ đồng</u>	Lương + Bảo hiểm + Công đoàn + Vật liệu + nhiên liệu + dịch vụ mua ngoài + Chi khác = <u>13,6 tỷ đồng</u>
5	Chi phí của 20 đầu máy trong 1 năm	14,785 tỷ đồng /năm x 20 đầu máy = <u>295,7 tỷ đồng/ năm</u>	13,6 tỷ đồng /năm x 20 đầu máy = <u>272 tỷ đồng/năm</u>
6	Khấu hao 20 đầu máy trong 1 năm	238 tỷ đồng / 10 năm = <u>23,8 tỷ đồng/ năm</u>	255 tỷ đồng / 10 năm = <u>25,5 tỷ đồng / năm</u>
7	Dòng tiền của dự án	Lợi nhuận sau thuế + Khấu hao	Lợi nhuận sau thuế + Khấu hao + Lãi vay Ngân hàng
8	Giá trị hiện tại ròng (NPV)	76,206 tỷ đồng (Xem phụ lục 07)	174,24 tỷ đồng (Xem phụ lục 11)
9	Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)	13,004% (Xem phụ lục 07)	18% (Xem phụ lục 11)
10	Thời gian thu hồi vốn đầu tư (PP)	9,412 năm (Xem phụ lục 07)	10,119 năm (Xem phụ lục 11)

2.3.2.2 Nguyên nhân

2.3.2.2.1 Nguyên nhân chủ quan

- Chưa nhận thức đúng về vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư.
- áp lực cạnh tranh giữa các Ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường ngày càng gay gắt,
- Việc tổ chức thẩm định chưa thực sự hợp lý

- Thiếu quy định thống nhất về nội dung và phương pháp thẩm định trong toàn hệ thống Ngân hàng
- Nguồn thông tin sử dụng trong thẩm định tài chính dự án chưa phong phú, chất lượng thông tin còn thấp, chưa có các nguồn thông tin được cung cấp mang tính chuyên nghiệp
- Số lượng và chất lượng cán bộ thẩm định chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác thẩm định.
- Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác thẩm định dự án còn lạc hậu
- Chưa chú trọng việc phân tích, đánh giá tình hình vận hành các dự án đầu tư để rút kinh nghiệm trong công tác thẩm định
- Chính sách động viên, khuyến khích cũng như cơ chế và chế tài xử lý vi phạm chưa hợp lý
- Chưa thực hiện hết vai trò điều hành, quản lý của Trụ sở chính NHCTVN đúng mức

2.3.2.2.2 Nguyên nhân khách quan

- Về phía Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác:
- Môi trường kinh tế vĩ mô
- Về phía các doanh nghiệp (chủ đầu tư):
- Về thông tin phục vụ cho hoạt động thẩm định tài chính dự án:
- Về thị trường tài chính

Chương 3. Giải pháp nâng cao Chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng công thương việt nam

3.1 Định hướng hoạt động của NHCTVN

3.1.1 Định hướng phát triển của NHCTVN đến năm 2010

Thực hiện nghị quyết đại hội IX về chiến lược phát triển kinh tế xã hội và phát triển đất nước đến năm 2010 và 2020, yêu cầu phát triển của ngành Ngân

hàng Việt Nam theo chỉ thị 275/BCSD của Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước và đề án cơ cấu lại NHCTVN giai đoạn 2001 – 2010 đã được Chính phủ phê duyệt, mục tiêu phát triển đến năm 2010 của Ngân hàng công thương là: “Xây dựng NHCTVN thành một NHTM chủ lực và hiện đại của Nhà nước, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tài chính lành mạnh, kỹ thuật công nghệ cao, kinh doanh đa năng, chiếm thị phần lớn ở Việt Nam, đủ sức cạnh tranh ở trong nước và chủ động hội nhập quốc tế.”

3.1.2 Định hướng về hoạt động cho vay theo dự án của NHCT Việt Nam đến năm 2010

W Đầu tư dự án phải đảm bảo an toàn, hiệu quả, trong phạm vi kiểm soát được và khả năng cân đối nguồn vốn của NHCTVN.

W Đẩy mạnh đầu tư cho các dự án có sản phẩm xuất khẩu, tạo nguồn thu ngoại tệ cho đất nước để tiếp tục thực hiện tái đầu tư với quy mô lớn hơn và trình độ sản xuất cao hơn, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người lao động.

W Đẩy mạnh đầu tư cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, song song với việc củng cố và nâng cao chất lượng đầu tư dự án của các doanh nghiệp Nhà nước.

W Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Quảng Ngãi.... đặc biệt là các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung và khu kinh tế mở của đất nước.

3.2 giải pháp nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay tại NHCTVN

3.2.1 Nâng cao nhận thức về vai trò của công tác thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của NHCTVN

Lãnh đạo NHCTVN cần đánh giá đúng ý nghĩa của công tác thẩm định tài chính dự án, đặt kết quả thẩm định ở vị trí xứng đáng với tầm quan trọng của nó trong việc ra quyết định cho vay theo dự án. Cán bộ tín dụng cần phải nhận thức được công tác thẩm định dự án có ý nghĩa quan trọng là xác minh tính khả thi

và hiệu quả của dự án làm cơ sở cho lãnh đạo Ngân hàng ra quyết định cuối cùng chứ không phải chỉ là hình thức để hoàn tất thủ tục hồ sơ cho vay dự án.

3.2.2 Hoàn thiện cơ chế tổ chức trong thẩm định tài chính dự án

Để hoàn thiện công tác tổ chức thẩm định tài chính dự án, NHCTVN nên:

- ✓ Tách rời 2 chức năng thẩm định và chức năng theo dõi, quản lý khoản cho vay tại các chi nhánh đồng thời cũng tách rời chức năng thẩm định và chức năng phê duyệt khoản cho vay vượt thẩm quyền phán quyết của chi nhánh và tại trụ sở chính. Mà thay vì thế tại các phòng khách hàng của chi nhánh cũng như trụ sở chính, nên thành lập tổ thẩm định riêng độc lập với bộ phận tín dụng. Các cán bộ thuộc tổ phòng thẩm định sẽ chuyên trách thực hiện thẩm định các dự án để cho vay công công việc theo dõi quản lý các khoản cho vay (tại chi nhánh) và phê duyệt khoản cho vay vượt thẩm quyền phán quyết của chi nhánh (tại trụ sở chính) là do bộ phận tín dụng thực hiện.

- ✓ Chuyên môn hoá cán bộ thẩm định theo quy mô khách hàng và theo nhóm ngành kinh tế - kỹ thuật hay lĩnh vực cụ thể

- ✓ Tăng cường hơn nữa vai trò điều hành, quản lý và giám sát của trụ sở chính

3.2.3 Nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng và cán bộ thẩm định nhằm đáp ứng được yêu cầu thường xuyên đổi mới công nghệ thẩm định

3.2.4 Đa dạng hoá và nâng cao chất lượng nguồn thông tin phục vụ công tác thẩm định dự án

3.2.5 Hoàn thiện nội dung thẩm định tài chính dự án

Với thực trạng hiện nay của công tác thẩm định tài chính dự án tại NHCTVN, các giải pháp nâng cao chất lượng nội dung thẩm định tài chính dự án được tập trung vào một số khía cạnh sau:

- Xác định tổng mức vốn đầu tư
- Xác định dòng tiền của dự án

3.2.6 Hoàn thiện phương pháp thẩm định tài chính dự án

NHCTVN nên có những quy định cụ thể mang tính thống nhất trên toàn hệ thống về các nội dung và phương pháp thẩm định tài chính dự án cũng như các chỉ tiêu phân tích trong thẩm định tài chính dự án đầu tư.

3.2.7 Hoàn thiện quy trình thẩm định tài chính dự án

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận (đã trình bày ở mục 2.2.2) và thực trạng hoạt động thẩm định tài chính dự án đầu tư tại NHCTVN, tác giả xin đề xuất một quy trình như sau:

- ✓ **Bước 1:** Xác định mô hình dự án đầu tư
- ✓ **Bước 2:** Phân tích và ước định các số liệu, cơ sở tính toán để thẩm định tính khả thi của tổng vốn đầu tư
- ✓ **Bước 3:** Thiết lập các bảng tính thu nhập và chi phí và các bảng tính trung gian để thẩm định dòng tiền của dự án
 - *Thiết lập bảng tính thu nhập và chi phí*
 - *Thiết lập các bảng tính trung gian*
- ✓ **Bước 4:** Tính toán và phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính DA
- ✓ **Bước 5:** Thẩm định rủi ro của dự án đầu tư thông qua phân tích độ nhạy của dự án đầu tư
- ✓ **Bước 6:** Thiết lập các báo cáo kết quả KD và báo cáo lưu chuyển tiền tệ

3.3 Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay tại NHCTVN

3.3.1 Kiến nghị với Chính phủ

Chính phủ cần đẩy mạnh việc cải cách hệ thống Tài chính – Ngân hàng theo hướng trao quyền độc lập và tự chủ hơn nữa tạo điều kiện cho hoạt động thẩm định dự án của NH độc lập hơn. Hơn nữa, Chính phủ cần chỉ đạo các doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện chế độ thống kê, kế toán, kiểm toán và báo cáo thông tin đồng thời xây dựng và ban hành những quy định ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp, những chế tài áp dụng đối với những doanh nghiệp không thực hiện đúng những chế độ đó. Ngoài ra, Chính phủ cần đồng bộ hoá hệ thống văn bản quy định có liên quan tới hoạt động tín dụng và thẩm định dự án của Ngân hàng như luật đất đai, các quy định về việc phát mại tài sản.... sao cho chúng không mâu thuẫn, trái ngược nhau, gây khó khăn cho hoạt động thẩm định dự án của Ngân hàng.

3.3.2 Kiến nghị với Bộ tài chính, Bộ kế hoạch và đầu tư, với chính quyền địa phương và các cơ quan khác

Ø Các Bộ và các cơ quan chủ quản cần hỗ trợ các doanh nghiệp hơn nữa trong việc nâng cao trình độ, chất lượng thẩm định dự án thuộc lĩnh vực ngành quản lý; kết quả thẩm định dự án này là căn cứ quan trọng để các Ngân hàng bám sát, sử dụng trong quá trình thẩm định dự án.

Ø Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật trung bình của ngành và các tiêu thức phân loại doanh nghiệp.

Ø Bộ kế hoạch và đầu tư cần có các văn bản hướng dẫn cụ thể hơn về trình tự xây dựng, lập dự án đầu tư, kịp thời xây dựng và công bố rộng rãi quy hoạch ngành, vùng và lãnh thổ....

Ø Bộ tài chính cần tham mưu để Quốc hội, Chính phủ ban hành các khung pháp lý, quy định rõ về tính công khai, minh bạch tài chính để phục vụ yêu cầu quản lý Nhà nước về tài chính doanh nghiệp cũng như vay vốn tại Ngân hàng

Ø Hàng năm, các Bộ chủ quản cần ban hành các khung mức giá, định mức kinh tế kỹ thuật, suất đầu.

Ø Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành và các chính quyền địa phương có liên quan trong việc thẩm định.

3.3.3 Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước và các NHTM khác

Ø Ngân hàng Nhà nước cần thực hiện chức năng chỉ đạo, định hướng và xây dựng một hệ thống thông tin nhiều chiều có chất lượng cao có thể cung cấp cho các NHTM thông qua cơ chế “Mua bán thông tin”

Ø Để nâng cao chất lượng thông tin tại CIC, cần có các định chế bắt buộc các NHTM thực hiện nghiêm chỉnh việc cung cấp các thông tin cập nhật, kịp thời về tình hình tài chính, quan hệ tín dụng.... của các doanh nghiệp với các NH.

Ø Ngoài những trợ giúp về mặt thông tin, Ngân hàng Nhà nước cần tăng cường hỗ trợ về phát triển đội ngũ nhân viên và kinh nghiệm thẩm định dự án đối với các NHTM.

Ø Ngân hàng Nhà nước cần giữ mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan quản lý Nhà nước quan trọng như Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ công nghiệp, bộ giao thông vận tải, Bộ công an, tổng cục thống kê.... để trao đổi, thu thập thông tin về cơ chế, chính sách có liên quan đến lĩnh vực thẩm định dự án.

3.3.4 Kiến nghị với chủ đầu tư

Chủ đầu tư cần nhận thức đúng đắn vai trò của thẩm định tài chính dự án. đầu tư theo dự án đòi hỏi cả vốn, thời gian, nhân lực của chủ doanh nghiệp vì thế chủ doanh nghiệp cần nhận thức được tầm quan trọng của công tác thẩm định dự án nói chung và thẩm định tài chính dự án nói riêng để có thể đánh giá một cách khách quan, nghiêm túc về hiệu quả tài chính của dự án, từ đó có định hướng đầu tư đúng mức, hiệu quả cũng như đảm bảo tính khả thi của dự án. Hơn nữa, chủ đầu tư cũng cần chấp hành nghiêm chỉnh chế độ thống kê, kế toán, kiểm toán đồng thời chủ động tích cực cung cấp thông tin trung thực cho các Ngân hàng làm cơ sở cho phân tích tài chính dự án và thẩm định tài chính dự án.

— — — — —